



# Tờ Dữ Liệu An Toàn

## ĐOẠN 1 NHẬN DIỆN SẢN PHẨM VÀ CÔNG TY

### Havoline SF Engine Oil SAE 20W-40

**Sử dụng sản phẩm:** Dầu Động Cơ Xe Khách

**(Các) số sản phẩm:** 500272

**Nhận diện công ty**

Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam

Lô F4 - Khu Công nghiệp Đình Vũ - An Hải

Hải Phòng

Việt Nam

**Phản Ứng khẩn cấp khi vận chuyển**

Trung Tâm Thông Tin Khẩn Cấp Chevron: Đặt tại Hoa Kỳ. Nhận điện thoại quốc tế người nhận trả. (800) 231-0623 hay (510) 231-0623

**Sức khỏe khẩn cấp**

Trung Tâm Thông Tin Khẩn Cấp Chevron: Đặt tại Hoa Kỳ. Nhận điện thoại quốc tế người nhận trả. (800) 231-0623 hay (510) 231-0623

**Thông tin sản phẩm**

điện thư : CLVLTech@chevron.com

Thông tin sản phẩm: +84-4-37332545

Số FAX: +84-4-37332555

## ĐOẠN 2 NHẬN DẠNG CHẤT NGUY HIỂM

**XẾP LOẠI:**

Không bị xếp vào loại nguy hiểm dựa theo quy định số 6/2007/QH12 của Luật Hóa Chất.

## ĐOẠN 3 CẤU TẠO / THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN

THÀNH PHẦN	SỐ CAS	SỐ LƯỢNG
Dầu khoáng tinh chế cao (C15-50)	Hỗn hợp	70 - 99 % trọng lượng

## ĐOẠN 4 PHƯƠNG PHÁP SƠ CỨU

**Mắt:** Không cần phải dùng biện pháp sơ cứu đặc biệt nào. Để phòng ngừa, tháo kính áp tròng ra nếu có mang, và xối rửa mắt bằng nước.

**Da:** Không cần phải dùng biện pháp sơ cứu đặc biệt nào. Để phòng ngừa, tháo quần áo và giày dép nếu bị thấm nhiễm. Để gột hết chất này ra khỏi da, sử dụng xà bông và nước. Hãy tháo bỏ quần áo và giày dép đã thấm nhiễm hoặc giặt rửa thật kỹ trước khi dùng lại.

**Ân:** Không cần phải dùng biện pháp sơ cứu đặc biệt nào. Đừng làm nôn mửa. Biện pháp đề phòng là hỏi ý kiến y tế.

**Hít vào:** Không cần phải dùng biện pháp sơ cứu đặc biệt nào. Nếu tiếp xúc chất liệu trong không khí ở mức quá cao, đưa người bị tiếp xúc ra chỗ không khí trong lành. Hãy đến nơi chăm sóc y tế nếu bị ho hay khó chịu ở đường hô hấp.

## ẢNH HƯỞNG SỨC KHỎE TRỰC TIẾP

**Mắt:** Dự kiến không gây xốn mắt kéo dài hay nghiêm trọng.

**Da:** Dự kiến sẽ không gây ngứa kéo dài hoặc đáng kể khi tiếp xúc với da. Dự kiến sẽ không gây dị ứng da khi tiếp xúc với da. Dự kiến không gây hại cho cơ quan nội tạng nếu hấp thu qua da.

**Ăn:** Dự kiến không gây hại nếu nuốt vào.

**Hít vào:** Dự kiến không gây hại nếu hít phải. Chứa dầu khoáng gốc dầu mỏ. Có thể bị bứt rứt hô hấp hoặc tác động khác lên phổi sau khi xông hít sương dầu trong một thời gian dài hoặc lặp đi lặp lại ở nồng độ (trong không khí) cao hơn giới hạn tiếp xúc phơi nhiễm đã khuyến nghị đối với sương dầu khoáng. Triệu chứng ngứa rát hệ hô hấp có thể bao gồm ho và khó thở.

## ĐOẠN 5 PHƯƠNG PHÁP CHỮA CHÁY

**PHƯƠNG TIỆN DẬP TẮT:** Dùng màn nước, chất bột, hóa chất khô hay dioxit cacbon (CO<sub>2</sub>) để dập lửa.

### BẢO VỆ LÍNH CỨU HỎA:

**Chỉ dẫn chữa cháy:** Chất này sẽ cháy, mặc dù không dễ gì kích hỏa. Xem Đoạn 7 để biết cách xếp dỡ và bảo quản đúng quy định. Khi xảy ra hỏa hoạn liên can đến chất này thì đừng đi vào bất cứ nơi quay kín hoặc chật hẹp bí bưng nào đang cháy mà không có trang bị bảo vệ thích hợp, kể cả dụng cụ thở độc lập.

**Sản phẩm đốt cháy:** Tùy thuộc rất lớn vào điều kiện cháy. Một hỗn hợp phức tạp – gồm các thành phần đặc, lỏng và khí, trong đó kể cả monoxit cacbon, dioxit cacbon, và hợp chất hữu cơ chưa rõ gốc tích – sẽ sinh ra trong không khí khi chất này đang cháy.

## ĐOẠN 6 PHƯƠNG PHÁP GIẢM TAI NẠN

**Phương pháp bảo vệ:** Tuân thủ tất cả các quy định địa phương và quốc tế có liên quan. Loại bỏ tất cả các nguồn gây cháy ở khu vực gần chất liệu chảy tràn. Cấm các nhân viên không liên quan và không được bảo hộ. Những người đi vào khu vực đã thấm nhiễm để sửa chữa sự cố – hoặc để xác định có an toàn cho việc tiếp tục hoạt động bình thường hay không – đều phải tuân thủ mọi chỉ dẫn trong phần Kiểm Soát Tiếp Xúc / Bảo Vệ Cá Nhân.

**Kiểm soát chảy tràn:** Hãy chặn đứng nguồn phóng thích nếu có thể thực hiện mà không bị nguy cơ rủi ro nào. Nên không chế chất thoát ra để ngăn ngừa tiếp tục thấm nhiễm mặt đất, nước mặt hay nước ngầm. Dọn sạch vết loang càng sớm càng tốt ngay khi có thể, và nhớ tuân thủ biện pháp đề phòng ghi trong phần Kiểm Soát Tiếp Xúc / Bảo Vệ Cá Nhân. Nên dùng những kỹ thuật thích hợp, ví dụ như áp dụng phương pháp bơm hoặc sử dụng chất hấp thu nhanh nhưng khó cháy. Nếu khả thi và thích hợp thì dỡ bỏ lớp đất đã thấm nhiễm. Hãy đặt chất đã thấm nhiễm vào thùng chứa 'chỉ dùng một lần' rồi thải bỏ theo cách thức phù hợp với quy định hiện hành.

**Báo cáo:** Báo cáo vết dầu loang cho chính quyền địa phương khi thích hợp hoặc cần thiết.

## ĐOẠN 7 XẾP DỠ VÀ BẢO QUẢN

**Thông tin xếp dỡ chung:** Tránh làm thấm nhiễm vào đất hoặc phóng thích chất này vào hệ thống thoát nước và cống rãnh cũng như các khu vực chứa nước.

**Phương pháp phòng ngừa:** Nhớ để ngoài tầm tay trẻ em.

**Nguy hiểm tĩnh:** Tĩnh điện có thể tích tụ và gây ra tình trạng nguy hiểm khi xử lý chất này. Có thể cần phải giữ chặt và tiếp đất để giảm thiểu hiểm họa này, nhưng bản thân những điều đó có thể là chưa đủ. Hãy xem lại mọi hoạt động có thể tạo ra và tích tụ tĩnh điện và / hoặc môi trường không khí dễ cháy (kể cả việc châm đầy bồn chứa và thùng chứa, châm đầy kiểu bán tóa, làm vệ sinh bồn chứa, lấy mẫu, đo đạc, bật công tắc, lọc lựa, trộn, khuấy, hoạt động hút chân không) và vận dụng các phương thức thích hợp để giảm thiểu nguy cơ.

**Cảnh Báo Trên Thùng Hàng:** Thùng chứa không dùng để chịu áp suất cao. Không dùng áp lực để thổi sạch thùng chứa, vì nó có thể thùng vỡ với lực nổ mạnh. Các thùng chứa rỗng còn vương lại cặn sản phẩm (ở thể đặc, lỏng, và / hoặc hơi) và có thể rất nguy hiểm. Đừng tăng áp, cắt, hàn điện, hàn đồng, hàn hợp kim, khoan, mài, hoặc phơi bày thùng chứa như thế ra trước nhiệt, ngọn lửa, tia lửa, tĩnh điện, hoặc nguồn kích hỏa khác. Chúng có thể nổ tung và gây thương tật hoặc tử vong. Nên xả thùng ống

rỗng hoàn toàn, đậy kín và nhanh chóng trả lại cho nơi tân trang thùng hay bỏ đúng cách.

## ĐOẠN 8 KIỂM SOÁT TIẾP XÚC/BẢO VỆ CÁ NHÂN

### THẬN TRỌNG CHUNG:

Hãy cân nhắc những hiểm họa tiềm tàng của chất này (xem Đoạn 2), các giới hạn tiếp xúc phơi nhiễm hiện hành, hoạt động cần thực hiện trong công việc – cùng với những chất khác tại nơi làm việc – khi thiết kế biện pháp kiểm soát kỹ thuật và chọn trang thiết bị bảo vệ cá nhân (PPE). Nếu các biện pháp kiểm soát kỹ thuật hoặc các cách thực hành công việc không phù hợp để ngăn ngừa việc tiếp xúc với mức độ có hại của vật liệu này, hãy tham khảo thông tin về thiết bị bảo vệ cá nhân (PPE) được trình bày bên dưới.

Các yếu tố ảnh hưởng đến PPE bao gồm, nhưng không giới hạn là: đặc tính của hóa chất, các hóa chất khác có thể tiếp xúc với cùng một PPE, các nhu cầu vật lý (cách ráp và kích thước, bảo vệ cắt / đâm thủng, sự kéo léo, bảo vệ nhiệt, v.v.), và các phản ứng dị ứng tiềm ẩn đối với vật liệu dùng trong thiết bị bảo vệ cá nhân. Người sử dụng có trách nhiệm đọc và hiểu tất cả các hướng dẫn và giới hạn được cung cấp cùng với thiết bị vì biện pháp bảo vệ thường được cung cấp trong một thời gian giới hạn hoặc trong một số trường hợp nhất định.

### KIỂM SOÁT KỸ THUẬT:

Chỉ dùng tại nơi thông thoáng tốt.

### THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

**Bảo vệ mắt / mặt:** Mang trang thiết bị bảo vệ để tránh vấy vào mắt. Loại trang thiết bị bảo vệ có thể lựa chọn là kính an toàn, kính bảo hộ chống hóa chất, tấm che mặt, hoặc kết hợp nhiều loại, tùy vào công việc cần thực hiện.

**Bảo vệ da:** Mang thiết bị bảo vệ cá nhân chống hóa chất (PPE) để tránh sự tiếp xúc với da. Việc lựa chọn quần áo bảo vệ chống hóa chất phải do một Chuyên gia Vệ sinh Lao động hoặc An toàn thực hiện và dựa trên các tiêu chuẩn hiện hành (ASTM F739 hoặc EN 374). Việc sử dụng thiết bị bảo vệ cá nhân (PPE) hóa học tùy thuộc vào các hoạt động được tiến hành và có thể bao gồm găng tay chống hóa chất, ủng, tạp dề chống hóa chất, bộ đồ chống hóa chất và việc bảo vệ da mặt hoàn chỉnh. **Tham khảo các nhà sản xuất thiết bị bảo vệ cá nhân (PPE) để có thông tin về thời gian đột phá nhằm xác định thiết bị bảo vệ cá nhân (PPE) có thể được sử dụng trong bao lâu trước khi cần thay thế.** Trừ khi dữ liệu cụ thể của nhà sản xuất găng tay chỉ ra khác, bảng dưới đây dựa trên dữ liệu công nghiệp có sẵn để hỗ trợ quá trình lựa chọn găng tay và dự kiến chỉ được sử dụng làm tài liệu tham khảo.

Vật liệu găng tay hóa học	Độ dày (mm)	Thời gian đột phá tiêu biểu (phút)
Butyl	0.7	120
Nitril	0.8	240
Viton Butyl	0.3	240

**Bảo vệ hô hấp:** Nói chung không đòi hỏi trang bị bảo vệ hô hấp. Nếu hoạt động của người sử dụng tạo ra sương mù dầu thì xác định xem nồng độ trong không khí có ở dưới giới hạn tiếp xúc phơi nhiễm trong nghề nghiệp – đối với sương dầu khoáng – hay không. Nếu không thì đeo mặt nạ thở đã được phê chuẩn nào có mức bảo vệ thỏa đáng đối với nồng độ chất đo được. Nên dùng hộp lọc hạt vụn cho mặt nạ thở thanh lọc không khí.

Nên đeo mặt nạ cung cấp không khí (áp lực dương) trong trường hợp mặt nạ lọc khí có thể không bảo vệ đầy đủ.

### Giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp:

Thành phần	Quốc gia/ Cơ quan	Dạng	TWA	STEL	Trần nhà	Chú thích
Dầu khoáng tinh chế cao (C15–50)	ACGIH	--	5 mg/m <sup>3</sup>	10 mg/m <sup>3</sup>	--	--

Dầu khoáng tinh chế cao (C15–50)	Việt Nam	Sương	5 mg/m <sup>3</sup>	10 mg/m <sup>3</sup>	--	--
----------------------------------	----------	-------	---------------------	----------------------	----	----

Nên tham vấn với chánh quyền địa phương để biết giá trị thích hợp.

## ĐOẠN 9 THÀNH PHẦN LÝ HÓA

**Chú ý:** dữ liệu dưới đây là giá trị tiêu biểu và không phải là chi tiết kỹ thuật.

**Màu sắc:** Màu vàng

**Trạng thái vật lý:** Chất lỏng

**Mùi:** Mùi dầu mỏ

**Ngưỡng mùi:** Không có sẵn dữ liệu

**pH:** Không áp dụng

**Áp suất hơi:** Không có sẵn dữ liệu

**Mật độ tương đối của hơi nước:** Không có sẵn dữ liệu

**Điểm sôi:** Không có sẵn dữ liệu

**Độ hòa tan:** Hòa tan trong hydrocarbon; không tan trong nước

**Điểm đông:** Không có sẵn dữ liệu

**Điểm tan chảy:** Không có sẵn dữ liệu

**Tính chất của hạt:** Không áp dụng

**Tỉ trọng:** 0.8722 kg/l @ 15°C (59°F) (Điển hình)

**Độ nhớt động học:** 133 mm<sup>2</sup>/s @ 40°C (104°F) (Điển hình)

**Tốc độ bay hơi:** Không có sẵn dữ liệu

**Hệ số phân bố n-octanol/nước (giá trị logarit):** Không có sẵn dữ liệu

### ĐẶC TÍNH DỄ BẮT CHÁY:

**Điểm bốc cháy:** (Thử nghiệm Open Cup Cleveland) 215 °C (419 °F) (Tối thiểu)

**Tự bốc cháy:** Không có sẵn dữ liệu

**Giới hạn dễ bắt lửa (Cháy Nổ) (% theo số lượng trong không khí):** Thấp hơn: Không áp dụng

Cao hơn: Không áp dụng

## ĐOẠN 10 ĐỘ BỀN VỮNG VÀ PHẢN ỨNG

**Phản ứng:** Có thể phản ứng với axit mạnh hay chất oxy hóa mạnh, như clorat, nitrat, peroxit, v. v...

**Độ bền vững hóa học:** Chất này được cho là ổn định trong điều kiện nhiệt độ và áp lực xung quanh thông thường và xếp dỡ và bảo quản lưỡng trước.

**Không tương thích với các chất liệu khác:** Không áp dụng

**Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm:** Chưa biết (Chưa nghĩ đến)

**Trùng hợp (polime hóa) nguy hiểm:** Sẽ không xảy ra quá trình polyme hóa nguy hại.

## ĐOẠN 11 THÔNG TIN ĐỘC TỐ

**Xôn mắt:** Chất này không được coi là chất gây kích ứng mắt. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các tuyên bố này được dựa trên việc đánh giá dữ liệu của các chất tương tự hoặc các thành phần sản phẩm.

**Độc tính da cấp tính:** Chất này không được coi là chất độc qua da. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các tuyên bố này được dựa trên việc đánh giá dữ liệu của các chất tương tự hoặc các thành phần sản phẩm.

**Ngứa da:** Chất này không được coi là chất gây kích ứng da. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các tuyên bố này được dựa trên việc đánh giá dữ liệu của các chất tương tự hoặc các thành phần sản phẩm.

**Nhạy cảm da:** Chất này không được coi là chất gây mẫn cảm cho da. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các tuyên bố này được dựa trên việc đánh giá dữ liệu của các chất tương tự hoặc các thành phần sản phẩm.

phần sản phẩm.

**Độc tố cấp tính qua đường miệng:** Chất này không được coi là chất độc qua đường miệng. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các tuyên bố này được dựa trên việc đánh giá dữ liệu của các chất tương tự hoặc các thành phần sản phẩm.

**Độc tố cấp tính hít vào:** Chất này không được coi là chất độc qua đường hô hấp. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các tuyên bố này được dựa trên việc đánh giá dữ liệu của các chất tương tự hoặc các thành phần sản phẩm.

**Ước tính độc tố cấp tính:** Chưa xác định

**Khả Năng Gây Đột Biến Gen:** Chất này không được coi là chất gây Đột biến Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các tuyên bố này được dựa trên việc đánh giá dữ liệu của các chất tương tự hoặc các thành phần sản phẩm.

**Khả Năng Gây Ung Thư:** Chất này không được coi là chất gây ung thư. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các tuyên bố này được dựa trên việc đánh giá dữ liệu của các chất tương tự hoặc các thành phần sản phẩm.

**Độc Sinh Sản:** Chất này không được coi là chất độc sinh sản. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các tuyên bố này được dựa trên việc đánh giá dữ liệu của các chất tương tự hoặc các thành phần sản phẩm.

**Chất độc đối với cơ quan nội tạng xác định - tiếp xúc một lần:** Chất này không được coi là chất độc cơ quan đích (phơi nhiễm một lần). Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các tuyên bố này được dựa trên việc đánh giá dữ liệu của các chất tương tự hoặc các thành phần sản phẩm.

**Chất độc đối với cơ quan nội tạng xác định - tiếp xúc lặp lại:** Chất này không được coi là chất độc cơ quan đích (phơi nhiễm lặp lại). Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các tuyên bố này được dựa trên việc đánh giá dữ liệu của các chất tương tự hoặc các thành phần sản phẩm.

**Độc tính Hít phải:** Chất này không được coi là một mối nguy hại hô hấp.

#### **THÔNG TIN THÊM VỀ ĐỘC TÍNH:**

Trong lúc sử dụng cho động cơ, xảy ra tình trạng dầu nhiễm bẩn với sản phẩm đốt cháy gây ung thư ở mức thấp. Dầu mô tơ đã cũ cho thấy gây ung thư da ở chuột nhất sau khi thoa lập đi lập lại và tiếp xúc liên tục. Tiếp xúc qua da ngắn hay không liên tục với dầu mô tơ đã cũ không gây ảnh hưởng nghiêm trọng ở con người nếu cọ rửa kỹ bằng xà bông và nước. Sản phẩm này có dầu gốc có thể được tinh chế bằng những tiến trình khác nhau bao gồm chiết xuất dung môi, cracking hydro, hay xử lý hydro mạnh. Không có loại dầu nào đòi hỏi có cảnh báo ung thư theo Tiêu Chuẩn Loạn Báo Hiểm Họa của OSHA (29 CFR 1910. 1200). Những loại dầu này chưa được nêu trong Báo Cáo Thường Niên của Chương Trình Nghiên Cứu Độc Chất Quốc Gia (National Toxicology Program, hay NTP) hay được Cơ Quan Quốc Tế Nghiên Cứu Ung Thư (International Agency for Research on Cancer, hay IARC) xếp loại là; chất gây ung thư cho con người (Nhóm 1), có thể gây ung thư cho con người (Nhóm 2A), hay có khả năng gây ung thư cho con người (Nhóm 2B). Các loại dầu này chưa được Hội Nghị Mỹ Các Chuyên Gia Vệ Sinh Công Nghiệp Chính Phủ (American Conference of Governmental Industrial Hygienists, hay ACGIH) xếp loại là: chất xác định gây ung thư ở con người (A1), chất nghi ngờ gây ung thư ở con người (A2), hay chất xác định gây ung thư ở động vật có liên quan chưa biết đến con người (A3).

#### **ĐOẠN 12 THÔNG TIN SINH THÁI**

##### **ĐỘC TÍNH SINH THÁI**

Dự kiến chất này không gây hại cho thủy sinh vật.

Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Báo cáo được rút từ tính chất của các thành phần riêng.

##### **CHUYÊN ĐỘNG**

Không có sẵn dữ liệu.

### **ĐỘ BỀN BỈ VÀ PHÂN HỦY**

Dự kiến chất này không dễ phân hủy sinh học. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Báo cáo được rút từ tính chất của các thành phần riêng.

### **CÓ KHẢ NĂNG TÍCH LŨY SINH HỌC**

Yếu tố nồng độ sinh học: Không có sẵn dữ liệu.

Hệ số phân bố n-octanol/nước (giá trị logarit): Không có sẵn dữ liệu

## **ĐOẠN 13 CẢNH THẬN KHI VƯỢT BỜ**

Sử dụng chất liệu cho mục đích định sẵn hay tái chế nếu có thể. Hiện đang có dịch vụ thu gom dầu đã sử dụng để tái chế hoặc tiêu hủy. Hãy đặt chất liệu đã thấm nhiễm vào thùng chứa rồi bỏ theo cách thức phù hợp với quy định hiện hành. Nên liên lạc với đại diện bán hàng của bạn hoặc cơ quan địa phương có thẩm quyền về môi trường hoặc sức khỏe để biết các phương pháp tái chế hay tiêu hủy đã được phê chuẩn.

## **ĐOẠN 14 THÔNG TIN VẬN CHUYỂN**

Mô tả trình bày không áp dụng cho tất cả các trường hợp gửi hàng. Tham khảo 49CFR, hay Quy Định Hàng Hóa Nguy Hiểm (Dangerous Goods Regulations) thích hợp để biết thêm các đòi hỏi mô tả khác (chẳng hạn như tên kỹ thuật) và đòi hỏi gửi hàng theo cách đặc biệt hay theo số lượng đặc biệt.

**Mô Tả Gửi Hàng UN:** NOT REGULATED AS DANGEROUS GOODS FOR TRANSPORT UNDER THE UNITED NATIONS MODEL REGULATIONS/RECOMMENDATIONS

**Mô tả gửi hàng IMO / IMDG:** NOT REGULATED AS DANGEROUS GOODS FOR TRANSPORT UNDER THE IMDG CODE

**Mô tả gửi hàng ICAO / IATA:** NOT REGULATED AS DANGEROUS GOODS FOR TRANSPORT UNDER ICAO

**Vận chuyển hàng rời theo Phụ lục II của MARPOL 73/78 và bộ luật IBC:** Không áp dụng

## **ĐOẠN 15 THÔNG TIN QUY ĐỊNH**

### **DÒ TÌM DANH SÁCH QUY ĐỊNH:**

01-1=IARC Nhóm 1  
01-2A=IARC Nhóm 2A  
01-2B=IARC Nhóm 2B

Không một thành phần nào của chất này có tên trong danh sách bị kiểm soát ở trên.

### **DANH SÁCH HÓA CHẤT:**

Mọi thành phần đều phù hợp với các yêu cầu kiểm kê hóa chất sau đây: AIIIC (Úc), DSL (Canada), ENCS (Nhật Bản), IECSC (Trung Quốc), KECI (Hàn Quốc), NZIoC (Tân Tây Lan), PICCS (Philippin), TCSI (Đài Loan), TSCA (Hoa Kỳ).

Một hay nhiều thành phần được nêu trong ELINCS (Liên Minh Châu Âu). Mọi thành phần khác được liệt kê hoặc miễn trừ theo danh sách về EINECS.

## **ĐOẠN 16 CÁC THÔNG TIN KHÁC**

**BÁO CÁO DUYỆT LẠI:** ĐOẠN 02 - Thành Phần thông tin đã được xóa.

ĐOẠN 03 - Thành Phần thông tin đã được bổ sung.  
 ĐOẠN 06 - Biện Pháp Đề Phòng Cá Nhân, Trang Bị Bảo Hộ và Quy Trình Xử Lý Khẩn Cấp thông tin đã được sửa.  
 ĐOẠN 08 - THẬN TRỌNG CHUNG thông tin đã được sửa.  
 ĐOẠN 08 - Bảo vệ da thông tin đã được sửa.  
 ĐOẠN 11 - Khả Năng Gây Ung Thư thông tin đã được bổ sung.  
 ĐOẠN 11 - Khả Năng Gây Đột Biến Gen thông tin đã được bổ sung.  
 ĐOẠN 11 - Tác Dụng đến Sức Khỏe Chậm Xuất Hiện thông tin đã được bổ sung.  
 ĐOẠN 11 - Chất độc đối với cơ quan nội tạng xác định - tiếp xúc lặp lại thông tin đã được bổ sung.  
 ĐOẠN 11 - Chất độc đối với cơ quan nội tạng xác định - tiếp xúc một lần thông tin đã được bổ sung.  
 ĐOẠN 11 - THÔNG TIN ĐỘC TỐ thông tin đã được bổ sung.  
 ĐOẠN 14 - Phân loại theo Tổ Chức Hàng Hải Quốc Tế (IMO) thông tin đã được bổ sung.

**Ngày duyệt lại:** Tháng Bảy 10, 2024

**CÁC CHỮ VIẾT TẮT SỬ DỤNG TRONG TÀI LIỆU NÀY:**

TLV - Giá trị giới hạn ngưỡng	TWA - Trung bình trọng lượng thời gian
STEL - Giới Hạn Tiếp Xúc Ngắn Hạn	PEL - Giới hạn tiếp xúc cho phép
	CAS - Số Dịch Vụ Tóm Tắt Hóa Chất
ACGIH - American Conference of Governmental Industrial Hygienists	IMO/IMDG - International Maritime Dangerous Goods Code
API - American Petroleum Institute	SDS - Tờ Dữ Liệu An Toàn
CVX - Chevron	NFPA - National Fire Protection Association (USA)
	NTP - National Toxicology Program (USA)
IARC - International Agency for Research on Cancer	

Được soạn theo Luật Hóa chất số 6/2007/QH12 bởi Trung tâm Kỹ thuật Chevron.

**Thông tin trong tờ dữ liệu an toàn này dựa trên kiến thức, thông tin và sự tin tưởng của Chevron và các chi nhánh của công ty vào ngày xuất bản. Đây không phải là một thông số kỹ thuật về chất lượng và không có bảo hành nào được đưa ra, rõ ràng hay ngụ ý. Chúng tôi không chịu trách nhiệm hoặc trách nhiệm pháp lý về kết quả của việc sử dụng tài liệu này. Thông tin được trình bày ở đây chỉ liên quan đến sản phẩm được liệt kê. Vì các điều kiện sử dụng nằm ngoài tầm kiểm soát của chúng tôi nên người dùng có trách nhiệm xác định các điều kiện sử dụng an toàn sản phẩm này và đánh giá tính phù hợp của sản phẩm đối với ứng dụng của họ. Người dùng nên tìm kiếm hướng dẫn bổ sung, nếu cần thiết.**